

Số: 581 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ sắt Cây Quéo, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường về kế hoạch bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ sắt Cây Quéo, xã Hùng Đức,

huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 27/5/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 179/TTr-HĐTĐ-ĐTM ngày 03 tháng 6 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ sắt Cây Quéo, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang họp ngày 27/5/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường đã được chỉnh sửa bổ sung, gửi kèm văn bản số 06/BC-Cty ngày 01/6/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ sắt Cây Quéo, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (*phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hùng Đức tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã*).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy, nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương các cơ quan chức năng để được chỉ đạo và phối hợp xử lý, chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên; Chủ tịch UBND xã Hùng Đức; Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Giang; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TĐ Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên: KS, CN;
- Lưu VT, (Đ 30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ SẮT CÂY QUÉO, XÃ HÙNG ĐỨC, HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 581 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác quặng sắt mỏ sắt Cây Quéo, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang.

- Địa chỉ: Tổ 16, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Minh, Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Quốc tịch: Việt Nam.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án:

- Diện tích khu vực mỏ khai thác: 14,95 ha, trong đó:

- Diện tích khu vực khai thác: 8,55 ha.

- Diện tích khu vực phụ trợ và bãi thải: 6,4 ha

- Trữ lượng đưa vào khai thác: 235.516 tấn quặng sắt.

- Công suất khai thác: 45.000 tấn quặng/năm.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án:

a) Các hạng mục công trình đã có:

- Nhà văn phòng và nhà ở công nhân: có diện tích khoảng 150 m², nhà xây cấp 4, lát gạch, trần nhựa, lợp mái tôn.

- Nhà ăn tập thể và nhà bếp: có diện tích khoảng 60 m², nhà xây cấp 4, lát gạch, trần nhựa, lợp mái tôn.

- Nhà bảo vệ: Diện tích 30 m² nhà xây cấp 4, lợp mái tôn.

- Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp: diện tích 30m², nhà xây cấp 4.

- Kho chứa chất thải nguy hại: có diện tích 20 m². nhà xây cấp 4, lát gạch, trần nhựa, lợp mái tôn.

- Nhà vệ sinh: có diện tích 20 m², nhà xây cấp 4. lát gạch, trần đổ bê tông.

- Giếng khoan: 01 giếng khoan.

b) Các hạng mục công trình bổ sung

- Hệ thống mương thoát nước khu vực công trình phụ trợ có chiều dài khoảng 165m.

- 01 Hồ ga lắng cặn ở vị trí cuối cùng của mương thoát nước của khu vực công trình phụ trợ của mỏ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Dự án đầu tư khai thác mỏ quặng sắt Cây Quéo, xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang có quy mô, công suất khai thác 45.000 tấn quặng/năm. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, các tác động môi trường chính của dự án gồm:

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động khoan; nổ mìn; bốc xúc; vận chuyển đất đá thải, nguyên liệu, sản phẩm.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, người lao động.

- Tác động do nước mưa chảy tràn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, đất đá thải từ quá trình khai thác.

- Tác động do chất thải nguy hại (dầu mỡ, pin, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- *Nước thải sinh hoạt*: Khoảng 1,3 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý và xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đất đá thuộc dải hạt mịn (0,05 – 0,1 mm) cùng với khói thuốc nổ lan tỏa theo chiều gió.

- Bụi phát sinh từ quá trình khai thác, bốc xúc, vận chuyển là khá lớn với mức độ tương đối cao, phạm vi tác động tại khu vực làm việc và khu vực xung quanh phụ thuộc vào hướng gió.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 10,5 kg/ngày.
- Đất đá thải: Khối lượng đất đá thải khoảng 137.250 m³/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Dầu nhớt thải khoảng 45 kg/năm; ắc quy chì thải 25 kg/năm; bao bì cứng bằng nhựa 15 kg/năm; bao bì cứng bằng các vật liệu khác 20 kg/năm; giẻ lau dính dầu mỡ 18 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

3.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải

a) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

- *Khu vực khai thác*: Tạo rãnh thoát nước theo phương pháp tự chảy, bùn đất được thu gom về các hố mỏ đã khai thác.

- *Khu vực phụ trợ*: Được thu gom bằng hệ thống rãnh có kích thước 165m x 0,4m x 0,8m và chảy về các hố ga trước khi chảy ra môi trường.

b) *Công trình xử lý nước thải sinh hoạt*: Tiếp tục sử dụng công trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu.

3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

a) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động khoan, nổ mìn

- Tuân thủ đúng quy trình, thiết kế nổ mìn theo đúng quy chuẩn QCVN 01: 2019/BCT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ).

- Sử dụng thiết bị khoan thủy lực loại hiện đại.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực chọn lọc quặng

- Xung quanh khu vực tiến hành trồng cây xanh để hạn chế phát tán bụi ra xung quanh.

c) *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình bốc xúc, vận chuyển*

- Sử dụng xe phun nước giảm bụi tần suất tưới nước 2 lần/ngày, những ngày nắng nóng, khô hanh thực hiện tưới nước với tần suất 4 lần/ngày.

- Trồng thêm cây xanh tại các khu vực phụ trợ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

a) *Đối với chất thải sinh hoạt*: Được thu gom, phân loại bằng các thùng chứa đặt tại các khu vực phát sinh chất thải, hàng ngày được tổ vệ sinh môi trường thu gom tập trung trước khi vận chuyển đi xử lý.

b) *Đối với đất đá thải*: Được sử dụng để phục hồi môi, cải tạo môi trường và một phần sử dụng để duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển trong mỏ và cải tạo mặt bằng trong quá trình khai thác, phần còn lại được lưu chứa tại bãi thải tại khu vực mỏ.

3.4. Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải nguy hại tại khu vực bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị được thu gom bằng các thùng chứa dung tích 100 lít, có mái che, nền bên tông

- Toàn bộ chất thải nguy hại được lưu chứa tạm tại kho chứa CTNH đã có với diện tích 20 m² trước khi được vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo đúng qui định.

- Thuê đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định về quản lý CTNH.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện khoan, nổ mìn theo đúng hộ chiếu khoan nổ mìn.

- Không thực hiện khai thác vào buổi trưa và buổi tối.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, phương tiện phục vụ hoạt động khai thác.

3.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) *Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường*

- *Khu vực khai trường khai thác*: Thực hiện gia cố bờ sườn tầng và cải tạo thành hồ chứa nước, trồng cây xanh xung quanh hồ cũng như lập hàng rào xung quanh khu vực moong khai thác.

- *Khu vực mặt bằng công nghiệp và công trình phụ trợ*: Tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ sau khi kết thúc khai thác; san gạt tạo mặt bằng, bổ sung đất màu rồi trồng cây keo tai tượng với mật độ trồng 1.660 cây/ha và tu sửa rãnh thoát nước, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

b) *Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ*

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **1.444.065.104** đồng, trong đó:

+ Công ty đã nộp ký quỹ cho giai đoạn hoạt động trước đây: 204.890.075 đồng.

+ Số tiền còn lại phải ký quỹ:

$$1.444.065.104 - 204.890.075 = 1.239.175.029 \text{ đồng.}$$

+ Mức ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ: 309.793.757 đồng.

- Số tiền ký quỹ còn lại chia nộp cho 04 năm (từ năm 2022 đến 2025):

+ Lần 2, 3, 4, 5 số tiền: 232.345.317 đồng/lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

- Xây dựng nội quy an toàn lao động và đăng ký với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Xây dựng và niêm yết đầy đủ nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy móc, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động.

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân và được tập huấn về an toàn lao động theo quy định.

- Khai thác theo đúng Thiết kế cơ sở đã được Sở Công thương thẩm định.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho công nhân lao động.

b) Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố kho VLNCN

- Thực hiện nghiêm túc quy trình quy phạm quản lý sử dụng chất nổ, thực hiện khoan bắn nổ mìn đúng quy phạm.

- Người lao động phải thực hiện huấn luyện và cấp chứng chỉ về sử dụng chất nổ công nghiệp mới được làm việc tại mỏ.

- Chấp hành phương án nổ mìn, hộ chiếu khoan nổ mìn theo quy định đảm bảo tuyệt đối an toàn.

c) Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ hệ thống, thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy và hệ thống an toàn điện theo quy định.

- Xây dựng và niêm yết đầy đủ quy định về an toàn cháy nổ, an toàn sử dụng điện.

d) Biện pháp chống sạt lở đất, đá

- Khai thác đúng Thiết kế cơ sở đã được Sở Công thương thẩm định, như: Đúng vị trí mở vỉa, cự ly biên giới, chiều cao tầng, góc dốc của từng tầng khai thác, sử dụng đúng phương tiện, thiết bị khai thác; đồ thải đúng thiết kế được duyệt,...

- Đường vận tải nội bộ đảm bảo các thông số kỹ thuật, không bị lún và sa lầy vào mùa mưa, có rãnh thoát nước dọc song song tuyến đường, độ dốc không quá 9-10%.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mở đảm bảo thoát nước kịp thời, hạn chế sạt lở, xói mòn khi có mưa lớn kéo dài.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án.

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (bao gồm: 01 vị trí tại khu vực khai thác; 01 vị trí tại khu vực văn phòng; 01 vị trí tại khu vực kho mìn; 01 vị trí tại khu vực đường vận chuyển).

+ Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO_x, SO₂.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT và QCVN 24/2016/BYT; QCVN 26/2016/BYT.

b) Giám sát môi trường nước

- Vị trí tại cống nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng

+ Thông số phân tích: pH, TSS, BOD₅, COD, dầu mỡ, tổng Coliform.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Vị trí tại cửa bơm thoát nước mở.

+ Thông số phân tích: màu, pH, TSS, BOD₅, COD, Fe, dầu mỡ, sunfua.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên giám sát, thống kê và báo cáo về chất thải rắn.

- Định kì báo cáo gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang về tình hình quản lý, số lượng đối với chất thải nguy hại phát sinh.

d) Giám sát các vấn đề về môi trường

Thường xuyên theo dõi, giám sát các vấn đề về môi trường có thể xảy ra như sự cố cháy, nổ, thiên tai, sạt lở, chủ động ứng phó, khắc phục và báo cáo các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để phối hợp xử lý.

5. Các điều kiện kèm theo.

5.1. Tuân thủ đúng các quy định hiện hành về Quy phạm kỹ thuật khai thác, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác và các giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, rung chấn, bụi, nước thải, khí thải trong quá trình khai thác phải đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định hiện hành về Quy chuẩn môi trường Việt Nam.

5.2. Quá trình triển khai dự án, chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc kế hoạch bóc lớp đất phủ bề mặt, xử lý thảm thực bì phù hợp với tiến độ triển khai dự án, nhu cầu diện tích sử dụng đất thực tế của hoạt động khai thác với phương châm khai thác đến đâu xử lý đến đó đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

5.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.4. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.5. Thực hiện ký quỹ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được cấp giấy phép khai thác và ký quỹ hàng năm theo đúng quy định (ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang). Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản mà thời hạn của giấy phép khác với thời gian đã tính trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì đơn vị phải tính toán lại khoản tiền ký quỹ hàng năm phù hợp với thời hạn của giấy phép khai thác khoáng sản và gửi báo cáo về cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh.

5.6. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi dự án đi vào vận hành hoạt động.

5.7. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.
